

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh L - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND phường C. Vắng mặt.

+ Công ty cổ phần T1.

Địa chỉ: D, Khu đô thị -, dịch vụ B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.
Vắng mặt.

+ Công ty TNHH T2.

Địa chỉ: Tổ D, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo pháp luật : Ông Phạm Thanh H1 – Chức vụ: Giám đốc.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2023; 28/8/2023 và đơn sửa đổi bổ sung đề ngày 12/10/2023 và lời khai có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện Nguyễn Văn V trình bày: Ngày 20/4/2005, UBND thị xã C ban hành Thông báo số 91/TB-UB về việc giao cho Công ty T2 (Sau đây gọi tắt là Công ty T2) mượn bãi triều sinh lầy ven biển để Công ty T2 làm bờ kè, đổ đất và san lấp thành mặt bằng làm nơi chứa vật liệu xây dựng. Mặc dù trên các văn bản là cho mượn đất nhưng không có chế định nào của pháp luật quy định cơ quan có thẩm quyền cho người dân, doanh nghiệp mượn đất. Do vậy việc giao đất này của UBND thành phố C là đất được UBND thành phố C là đất được nhà nước giao cho tổ chức thuộc trường hợp có thu tiền sử dụng đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất hoặc đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 76 Luật Đất đai.

Ngày 17/6/2005, Phòng T3 và UBND phường C giao đất cho Công ty T2 theo Biên bản giao đất ngày 17/6/2005.

Năm 2005, do Công ty T2 không có tài chính, nên Công ty đã giao cho tôi – Nguyễn Văn V, với tư cách là thành viên Hội đồng thành viên đã bỏ tiền cá nhân ra để san lấp toàn bộ bãi triều 4000m² đã được Nhà nước giao cho sử dụng không thu tiền sử dụng đất để làm bãi vật liệu xây dựng. Tổng số tiền tôi đã bỏ ra để san lấp mặt bằng như sau: Tiền đổ đất, san gạt, đầm nén: 3.185.755.570đ; xây kè đá: 1.170.034.000đ; xây dựng nhà kho, nhà cấp 4 và khu vệ sinh: 881.831.000đ; xây hệ thống bê: 71.000.000đ. Tổng cộng: 5.308.620.570đ.

Năm 2013 các thành viên Hội đồng thành viên Công ty T2 đã họp và thống nhất và giao cho tôi quản lý, tôn tạo, đầu tư và giải quyết các vấn đề liên quan đến thu hồi khu đất nói trên theo Biên bản thỏa thuận ngày 28/3/2013, Giám đốc Công ty T2 căn cứ vào Biên bản thỏa thuận của Hội đồng thành viên Công ty T2 ra quyết định hoàn trả vốn góp cho tôi bằng cách giao cho tôi sử dụng diện tích 4000m² đất bãi triều trên danh nghĩa Công ty T2 và giao cho tôi giải quyết mọi thủ tục phát sinh trong quá trình sử dụng đất.

Năm 2019, UBND thành phố C thông báo thu hồi 4000m² đất bãi triều để giao cho Công ty Cổ phần T1 phát triển Công nghiệp TTP để phát triển dự án khu đô thị - du lịch, dịch vụ B1.

Tại các buổi họp và trong các văn bản gửi lên UBND thành phố C, tôi đã liệt kê chi phí xây kè đá, đổ đất, san nền và đầm nén diện tích 4000m² từ đất bãi triều ven biển thành mặt bằng kang trang như thời điểm bàn giao cho chủ đầu tư TTP là 4.355.789.570đ.

Ngày 04/5/2018 Phòng Quản lý đô thị, Phòng T3; UBND phường C, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố và ông V đã họp để giải quyết việc bồi thường cho ông V theo Biên bản họp ngày 04/5/2018, theo đó ông V đồng ý với chủ trương, chính sách thu hồi đất của Nhà nước và yêu cầu được bồi thường theo quy định của pháp luật; trung tâm phát triển quỹ đất đề nghị bồi thường chi phí đầu tư vào đất (Làm bờ kè, đổ đất san ủi tạo mặt bằng từ một bãi triều ven biển thành mặt bằng như ngày nay) cho tôi theo quy định của pháp luật. Sau khi thảo luận các thành viên tham gia buổi họp thống nhất kết luận là “Đề nghị UBND thành phố giao cho Hội đồng bồi thường và giải phóng mặt bằng xây dựng phương án hỗ trợ giá trị đầu tư vào đất của ông Nguyễn Văn V”.

Tại cuộc họp 4 bên giữa UBND thành phố C, UBND phường C, Công ty Cổ phần T1 và tôi theo Biên bản cuộc họp tháo gỡ vướng mắc mặt bằng hộ ông Nguyễn Văn V ngày 29/11/2019, đại diện Công ty T1 là ông Đoàn Trung C- Phó Tổng giám đốc đã đề xuất nếu “hộ ông Nguyễn Văn V đủ điều kiện được bồi thường đề nghị UBND thành phố lập phương án bồi thường để khấu trừ vào tiền sử dụng đất. Trường hợp không đủ điều kiện Hội đồng quản trị công ty T4 mức hỗ trợ công tôn tạo cho ông Nguyễn Văn V là 500.000.000đ”, do mức đề xuất của đại diện chủ đầu tư hỗ trợ công tôn tạo (tiền đầu tư vào đất) chỉ 500.000.000đ là thấp hơn rất nhiều so với giá trị thực tôi đã đầu tư tôn tạo đổ đất thành mặt bằng sạch như khi bàn giao cho công ty T1 nên tôi đã đề nghị UBND thành phố C bồi thường chi phí đầu tư vào đất theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên sau đó ngày 09/9/2021 UBND thành phố C ban hành công văn số 5770/UBND-UBKTTT không chấp nhận bồi thường bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty T2 mà đại diện và được hưởng tiền bồi thường là tôi. Tôi đã khiếu nại và gửi đơn thư nhiều lần đến lãnh đạo, cơ quan có thẩm quyền của UBND thành phố C, nhưng không ai quan tâm, giải quyết việc bồi thường chi phí vào đất theo quy định của pháp luật cho tôi.

Tôi nhận thấy: Nếu thông báo số 91/TB-UB ngày 20/4/2005 của UBND thị xã C được xác định là việc UBND thị xã C giao đất cho B Tử Long theo hình thức “Đất được Nhà nước giao cho tổ chức thuộc trường hợp có thu tiền sử dụng đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất” hoặc “đất được nhà nước giao không thu tiền sử dụng

đất theo quy định tại Điều 76 Luật Đất đai”, thì khi UBND thành phố C thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 Luật Đất đai thì UBND thành phố C đã (1) Không ban hành thông báo thu hồi đất, không gửi thông báo thu hồi đất đến người có đất bị thu hồi; (2) Không ban hành quyết định thu hồi đất; (3) Không lập phương án bồi thường và phê duyệt phương án bồi thường; (4) Không bồi thường phần giá trị còn lại của giá trị đầu tư vào đất và tài sản gắn liền với đất.

Nếu thông báo số 91/TB-UB ngày 20/4/2005 của UBND thị xã C và Biên bản giao đất ngày 17/6/2025 của các cơ quan có thẩm quyền giao đất cho B Tử Long được xác định là vi phạm pháp luật về đất đai do UBND thị xã C giao đất không đúng đối tượng, không đúng thẩm quyền, thì theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 và điểm c khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai 2013 thì UBND thành phố C đã: (1) Không tiến hành tổ chức kiểm tra để xác định hành vi vi phạm điểm b khoản 1 Điều 16 và điểm c khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai để trình UBND thành phố C quyết định thu hồi đất; (2) Không ban hành quyết định thu hồi đất; (3) Không chỉ đạo xử lý phần giá trị còn lại của giá trị đã đầu tư và đất hoặc tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật; (4) Không bồi thường phần giá trị còn lại của giá trị đầu tư vào đất và tài sản gắn liền với đất.

Tôi đã có đơn đề nghị UBND thành phố C bồi thường theo quy định của pháp luật và sau đó là gửi đơn khiếu nại nhiều lần nhưng không được UBND thành phố C giải quyết, ngày 09/9/2021 UBND thành phố C đã ban hành công văn số 5170/UBND-UBKTTT khẳng định không xem xét thụ lý giải quyết khiếu nại của tôi.

Ông Nguyễn Văn V khởi kiện yêu cầu:

1. Tuyên bố hành vi của UBND thành phố C khi thu hồi thửa đất có diện tích 4.000m² giáp ranh lô N4 và N5 tại tổ E, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh mà UBND thành phố C đã cho Công ty T2 mượn nhưng không ban hành Quyết định thu hồi đất và không lập và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là trái pháp luật;

2. Buộc UBND thành phố C phải ban hành Quyết định thu hồi đất; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với diện tích đất cho Công ty T2 mượn theo đúng quy định của pháp luật.

UBND thành phố C có quan điểm:

Năm 2005, Công ty T2 (*nay là Công ty TNHH T2*) được UBND thị xã (*nay là UBND thành phố C*) cho mượn mặt bằng đất bãi triều làm nơi chứa vật liệu xây dựng theo Thông báo số 91/TB-UB ngày 20/4/2005 với diện tích 4.000m² để làm bãi chứa vật liệu xây dựng tại tổ E, phường C; thời gian cho mượn đến hết ngày 31/12/2010.

Tại Thông báo số 91/TB-UB nêu rõ: *"Trong quá trình sử dụng, Công ty T2 có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích, không được cho cá nhân, tổ chức khác thuê hoặc mượn lại, không được đầu tư xây dựng công trình kiến trúc trên diện tích đất mượn. Trường hợp Thị xã cần mặt bằng để xây dựng theo quy hoạch Công ty phải trả lại không kèm theo điều kiện nào"*.

Tuy nhiên, hết thời gian được sử dụng mặt bằng cho mượn Công ty TNHH T2 không bàn giao lại khu đất cho UBND phường quản lý, mà vẫn tiếp tục sử dụng để tập kết vật liệu xây dựng; đồng thời đầu tư xây dựng nhà kho, nhà cấp 4 và bể nước (theo Báo cáo số 115/UBND ngày 03/6/2021 của UBND phường C).

Đến ngày 28/3/2013, Công ty T2 đã chuyển toàn bộ mặt bằng nói trên cùng các công trình xây dựng cho ông Nguyễn Văn V quản lý, sử dụng để tập kết vật liệu xây dựng (cát) theo Biên bản thỏa thuận giữa các thành viên của công ty và Quyết định số 001-22032013/QĐ-BTL ngày 29/3/2013 về việc hoàn trả vốn góp bằng quyền sử dụng đất.

Căn cứ khoản 1 Điều 106 Luật đất đai năm 2003 quy định:

"Điều 106. Quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; quyền thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; quyền được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất

1. Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 110; khoản 2 và khoản 3 Điều 112; các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 113; khoản 2 Điều 115; điểm b khoản 1, các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều 119; điểm b khoản 1, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 120 của Luật này khi có các điều kiện sau đây:

a) Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

b) Đất không có tranh chấp;

c) Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

d) Trong thời hạn sử dụng đất"

Như vậy, việc Công ty TNHH T2 khi hết hạn mượn đất không bàn giao lại cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà thực hiện việc hoàn trả góp vốn bằng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn V được toàn quyền sử dụng là trái với quy định của pháp luật về đất đai.

Do đó ông Nguyễn Văn V không có quyền lợi để được khởi kiện UBND thành phố C trong việc thực hiện GPMB khu đất Công ty TNHH T2 mượn theo Thông báo số 91/TB-UB ngày 20/4/2005.

Về việc không ban hành quyết định thu hồi đất và không lập và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ

Thực hiện Văn bản số 46/UBND-QH11 ngày 04/01/2018 của UBND tỉnh Q và Thông báo số 122/13-UBND ngày 29/3/2018 “TB kết luận của đ/c Phạm Ngọc V1 - PCT UBND TP tại cuộc họp ngày 27/3/2018 vv triển khai thực hiện nội dung VB số 46/UBND-QH11 ngày 04/01/2018 của UBND tỉnh Q”, UBND phường C đã phối hợp với Phòng Quản lý đô thị, Phòng T3, Trung tâm phát triển quỹ đất, Đội kiểm tra TTĐT và MT kiểm tra khu đất đang kinh doanh cát. Kết quả cụ thể: Tại thời điểm kiểm tra, diện tích thực tế khu đất trên là 5,061,3 m²; Công trình trên đất: có 01 căn nhà cấp IV xây bằng gạch ba banh mái tôn, diện tích khoảng 140 m²; 01 nhà kho xây bằng gạch ba banh mái fibro xi măng diện tích khoảng 60,0 m²; 02 bể nước xây bằng gạch đỏ, nắp bê tông.

Để thực hiện việc GPMB thực hiện Dự án khu đô thị B, UBND Thành phố đã làm việc cùng công ty cổ phần T1 và ông Nguyễn Văn V (*đại diện cho công ty TNHH T2*) để có phương án hỗ trợ cho Công ty TNHH T2. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn V không đồng ý.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 quy định:

“Điều 3. Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính

1. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính bao gồm:

a) Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật;

b) Việc xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật”;

Do đó, ngày 27/4/2020 UBND thành phố C ban hành Quyết định số 2084/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Công ty TNHH T2, trong đó yêu cầu Công ty TNHH T2 phải tự tháo dỡ các công trình vi phạm gồm: 01 nhà cấp 4, 03 bể nước và 02 nhà vệ sinh. Đến ngày 02/5/2020 Công ty đã tự nguyện di dời đồ đạc và tháo dỡ toàn bộ công trình vi phạm trên.

Ngày 09/7/2020, UBND thành phố C ban hành công văn số 4002/UBND-QLĐT về việc bảo vệ thi công dự án Khu đô thị -, dịch vụ B1 tại phường C, C, C thành phố C, trong đó giao Đội kiểm tra TTĐT và MT chủ trì, phối hợp với UBND phường C xây dựng phương án, bố trí lực lượng tổ chức bảo vệ thi công tuyến cống thoát nước mưa, thoát nước thải đường giao thông và vỉa hè tại vị trí phía Bắc của dự án; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Ngày 15/9/2020, UBND Thành phố đã bảo vệ thi công tại khu vực phía Bắc dự án (*Mặt bằng bảo vệ thi công chỉ còn đất trống, không còn tài sản gắn liền trên đất*). Sau khi hoàn thành bảo vệ thi công, UBND phường C đã bàn giao lại phần diện

tích đất trên cho công ty CP T1 quản lý và tiếp tục thực hiện thi công dự án. Đến nay cơ sở hạ tầng khu vực này đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

Đồng thời, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4, Điều 33, Điều 37 Luật đất năm 2003 và Điều 76 Luật đất đai 2013 xác định: (i) việc UBND thị xã C cho Công ty T2 mượn mặt bằng đất bãi triều làm nơi chứa vật liệu xây dựng năm 2005 không thuộc trường hợp Nhà nước giao đất do Thông báo số 91/TB-UB ngày 20/4/2005 không phải là Quyết định hành chính; (ii) UBND thị xã C thực hiện việc cho mượn đất; phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND phường C bàn giao đất cho Công ty T2 là không đúng thẩm quyền, trình tự giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai; (iii) Công ty T2 mượn đất với mục đích làm nơi chứa vật liệu xây dựng không thuộc trường hợp Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, không được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại.

Mặt khác, tại Thông báo số 91/TB-UB nêu rõ *Công ty T2 có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích, không được cho cá nhân, tổ chức khác thuê hoặc mượn lại, không được đầu tư xây dựng công trình kiến trúc trên diện tích đất mượn. Trường hợp Thị xã cần mặt bằng để xây dựng theo quy hoạch Công ty phải trả lại không kèm theo điều kiện nào. Hết thời hạn mượn Công ty có trách nhiệm thu dọn vật liệu, bàn giao lại toàn bộ mặt bằng trên cho Nhà nước quản lý (giao UBND phường C tiếp nhận mặt bằng)*”.

Từ các luận điểm và căn cứ nêu trên, UBND thành phố C không ban hành quyết định thu hồi đất và không lập và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; không bồi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại cho Công ty TNHH T2 là đúng quy định.

Đại diện UBND phường C có quan điểm tương tự quan điểm của UBND thành phố C.

Đại diện Công ty cổ phần T1 có quan điểm: Không có ý kiến gì với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và xin vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa.

Đối với Công ty TNHH T2, đã thông báo thụ lý; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, nhưng đại diện Công ty TNHH T2 đều vắng mặt và không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tòa án tổ chức đối thoại nhưng vắng mặt đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện nên không đối thoại được.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2024/HC-ST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

1. Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V về các nội dung:

(1). Tuyên bố hành vi của UBND thành phố C khi thu hồi thửa đất có diện tích 4.000m² giáp ranh lô N4 và N5 tại tổ E, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh mà UBND thành phố C đã cho Công ty T2 mượn nhưng không ban hành Quyết định thu hồi đất và không lập và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là trái pháp luật; (2). Buộc UBND thành phố C phải ban hành Quyết định thu hồi đất; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với diện tích đất cho Công ty T2 mượn theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/8/2024, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên lời khai, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo.

Người bị kiện vắng mặt, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không xuất trình tài liệu chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo hợp lệ, hình thức nội dung phù hợp. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét kháng cáo của người khởi kiện, căn cứ vào các ý kiến trình bày của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ, do đó Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 LTTHC, bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 476/2024/HC-ST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 19/6/2023, ông Nguyễn Văn V khởi kiện hành vi của UBND thành phố C khi thu hồi thửa đất có diện tích 4.000m² giáp ranh lô N4 và N5 tại tổ E, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh mà UBND thành phố C đã cho Công ty

T2 mượn. Ông V cho rằng UBND thành phố C không ban hành Quyết định thu hồi đất và không lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất. Đây là hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 22 Luật Đất đai năm 2013 và là hành vi hành chính bị kiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính, do đó Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng.

[1.2] Tại phiên tòa, phúc thẩm các đương sự vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện với toàn bộ bản án, Tòa án xem xét các yêu cầu khởi kiện và quyết định của Tòa án sơ thẩm:

[2.1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Công ty T2 (nay là Công ty TNHH T2) – (viết tắt là Công ty T2) là Công ty Trách nhiệm hữu hạn, đăng ký lần đầu ngày 10/3/1993; đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 10/6/2022; Ngành nghề kinh doanh: Mua bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, dịch vụ kinh doanh than bùn, bốc xúc đá vận chuyển san lấp, xây dựng công trình ... Năm 2005, Công ty T2 được UBND thị xã C (nay là thành phố C) cho mượn diện tích 4.000m² đất bãi triều làm nơi chứa vật liệu xây dựng theo Thông báo số 91/TB-UB ngày 20/4/2005, địa điểm tại tổ E, phường C; thời gian cho mượn đến hết ngày 31/12/2010. Tại Thông báo số 91/TB-UB có nội dung: "Trong quá trình sử dụng, Công ty T2 có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích, không được cho cá nhân, tổ chức khác thuê hoặc mượn lại, không được đầu tư xây dựng công trình kiến trúc trên diện tích đất mượn. Trường hợp Thị xã cần mặt bằng để xây dựng theo quy hoạch Công ty phải trả lại không kèm theo điều kiện nào". Căn cứ Thông báo số 91/TB-UB nêu trên, ngày 17/6/2005 Phòng T3 và UBND phường C đã giao đất tại thực địa cho Công ty T2, tại biên bản giao đất nêu yêu cầu như sau: Không được xây dựng công trình kiên cố trên mặt bằng đất mượn; Hết thời hạn đất mượn (31/12/2010) Công ty T2 bàn giao trả mặt bằng; phần đồ đất tôn tạo làm nơi chứa vật liệu xây dựng khi đơn vị cá nhân nhận lại mặt bằng, đề nghị thanh toán kinh phí đồ đất tôn tạo cho Công ty T2. Hết thời gian được cho mượn đất làm mặt bằng chứa vật liệu xây dựng (ngày 31/12/2010), Công ty TNHH T2 không bàn giao lại khu đất cho UBND phường quản lý, mà vẫn tiếp tục sử dụng để tập kết vật liệu xây dựng; đồng thời đầu tư xây dựng nhà kho, nhà cấp 4 và bể nước (theo Báo cáo số 115/UBND ngày 03/6/2021 của UBND phường C). Theo Biên bản thỏa thuận ngày 28/3/2013 giữa các thành viên của công ty với ông Nguyễn Văn V và Quyết định số 001-22032013/QĐ-BTL ngày 29/3/2013 của Công ty T2 về việc hoàn trả vốn góp bằng quyền sử dụng đất, Công ty T2 đã chuyển toàn bộ mặt bằng

nói trên cùng các công trình xây dựng cho ông Nguyễn Văn V quản lý, sử dụng để tập kết vật liệu xây dựng.

[2.2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện: yêu cầu tuyên bố hành vi của UBND thành phố C thu hồi đất đã cho Công ty T2 mượn nhưng không ban hành Quyết định thu hồi đất và không lập và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là trái pháp luật và buộc UBND thành phố C phải ban hành Quyết định thu hồi đất; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với diện tích đất cho Công ty T2 mượn theo đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định: Luật Đất đai năm 2003 không có quy định nào về việc nhà nước cho tổ chức, cá nhân mượn đất. Do đó Thông báo số 91/TB-UB ngày 20/4/2005 của UBND thị xã C cho Công ty T2 mượn đất để hoạt động sản xuất kinh doanh là trái quy định của Luật Đất đai 2003; Ông Nguyễn Văn V và Công ty T2 đổ đất san lấp mặt bằng nhưng không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là trái pháp luật nên không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ; Hết thời hạn mượn đất, Công ty T2 không trả lại mà giao lại cho ông V quản lý, sử dụng là trái phép. Công ty T2 không được cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất đã được thị xã C cho mượn nên thửa đất này không được xác định là tài sản của Công ty T2 nên việc trả lại phần vốn góp giữa Công ty T2 với ông Nguyễn Văn V đối với quyền sử dụng thửa đất cũng như chi phí tôn tạo thửa đất tại tổ E, phường C, thành phố C là trái quy định tại Điều 188 Luật Đất đai năm 2013. Giao dịch giữa UBND thành phố C và Công ty T2 là trái pháp luật. Pháp luật nghiêm cấm hành vi lấn biển san lấp trái phép, không phù hợp quy hoạch, không phù hợp với các quy định về bảo vệ cảnh quan môi trường. Mặt khác, ông Nguyễn Văn V không phải là đối tượng bị thu hồi đất mà thuộc trường hợp chiếm dụng đất trái phép như đã nêu trên và buộc phải trả lại đất đã chiếm dụng trái phép cho nhà nước.

[2.3] Tại phiên tòa, Người khởi kiện và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng Ủy ban nhân dân thành phố C giao đất trái thẩm quyền nên phải bồi thường chi phí đầu tư vào đất là không có căn cứ. Do đó Ủy ban nhân dân thành phố C không có trách nhiệm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Nguyễn Văn V. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V là có căn cứ.

[2.4] Các quyết định khác của Tòa án cấp sơ thẩm đã phù hợp pháp luật.

[2.5] Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: ông V là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn V; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2024/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.
2. Về án phí: Ông V được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.
3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tiến